ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 9265 /SXD-QLHĐ&VLXD V/v công bố giá bán vật liệu xây dựng tại mỏ trên địa bàn thành phố Đồng Nai tháng 11 năm 2026.	*Đồng Nai, ngày 10 tháng 11 năm 2026*

Kính gửi:
- Các Sở, ban, ngành trên địa bàn thành phố;
- Ủy ban nhân dân các phường, xã trên địa bàn thành phố.

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 209/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 06/7/2026 của UBND thành phố về việc ủy quyền cho Sở Xây dựng công bố các thông tin về giá các yếu tố chi phí trực tiếp cấu thành giá công tác xây dựng trên địa bàn thành phố Đồng Nai và chỉ số giá xây dựng theo quy định.

I. Giá bán vật liệu xây dựng tại mỏ trên địa bàn thành phố Đồng Nai tháng 11 năm 2026:

Làm cơ sở để chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo trong việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Giá công bố là giá bán tại mỏ (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), chưa loại trừ các khoản chiết khấu, ưu đãi, giảm giá, hoa hồng... (nếu có) của tổ chức, cá nhân khai thác, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng; không có giá trị dùng để thanh toán, quyết toán (việc thanh toán, quyết toán chi phí phải thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành).

Công bố giá vật liệu xây dựng tại mỏ bao gồm: Bảng tổng hợp giá bán vật liệu xây dựng tại các mỏ khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng (đá xây dựng, cát xây dựng, đất san lấp...) trên địa bàn thành phố Đồng Nai: Căn cứ văn bản báo giá, kê khai giá, công bố giá của các tổ chức, cá nhân khai thác, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố gửi về Sở Xây dựng.

Biến động giá bán vật liệu xây dựng tại mỏ trong tháng 11 năm 2026 so với tháng 10 năm 2026:

Trong tháng 11 năm 2026, có 04 doanh nghiệp điều chỉnh, bổ sung giá bán và 01 doanh nghiệp điều chỉnh tên vật liệu xây dựng tại mỏ so với tháng 10 năm 2026, cụ thể:

- Công ty Cổ phần Hóa An: kê khai bổ sung mức giá theo Văn bản số 141/CPHA ngày 05/11/2026, cụ thể: (1) Mỏ đá Tân Cang 3 (áp dụng từ ngày 12/8/2026): đá 0x4 phong hóa điều chỉnh từ 117.786 đồng/tấn lên 127.786 đồng/tấn (bao gồm thuế VAT),

tăng 10.000 đồng/tấn (tăng 8,5%); công bố giá trở lại đối với đá vệ sinh 70.000 đồng/tấn và đá phong hóa không nổ mìn 75.000 đồng/tấn (bao gồm thuế VAT; tháng 10 năm 2026 ngưng sản xuất); bổ sung mặt hàng đá phong hóa (nổ mìn) giá 99.000 đồng/tấn (bao gồm thuế VAT). (2) Mỏ đá Thạnh Phú 2 (áp dụng từ ngày 28/9/2026): bổ sung mặt hàng đá 1x2 loại 2 giá 181.644 đồng/tấn; công bố giá trở lại đối với đá vệ sinh 70.000 đồng/tấn (bao gồm thuế VAT; tháng 10 năm 2026 ngưng sản xuất). (3) Mỏ đá Núi Gió 2 (áp dụng từ ngày 01/7/2026): điều chỉnh tăng giá 05 loại đá (bao gồm thuế VAT): đá 1x2 từ 234.001 đồng/tấn lên 256.001 đồng/tấn (tăng 22.000 đồng/tấn, tăng 9,4%); đá 0x4 từ 173.380 đồng/tấn lên 184.380 đồng/tấn (tăng 6,3%); đá mi sàng từ 173.007 đồng/tấn lên 184.007 đồng/tấn (tăng 6,4%); đá mi hỗn hợp từ 164.831 đồng/tấn lên 175.831 đồng/tấn (tăng 6,7%); đá mi bụi từ 171.402 đồng/tấn lên 182.402 đồng/tấn (tăng 6,4%).

- Hợp tác xã Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Bình Thạch (mỏ đá Thạnh Phú 3): điều chỉnh giá theo Bảng giá đá Quý 04/2026 ngày 29/9/2026, áp dụng từ ngày 01/10/2026: đá nguyên liệu (đá sau nổ mìn) điều chỉnh từ 134.000 đồng/m3 lên 136.000 đồng/m3 (chưa bao gồm thuế VAT), tăng 2.000 đồng/m3 (tăng 1,5%); đất khai thác để san lấp xây dựng công trình (đá phong hóa) giữ nguyên giá 63.000 đồng/m3.

- Công ty TNHH Chế biến - Kinh doanh đá xây dựng Tân Hiền (chế biến cho mỏ đá Thạnh Phú 3): điều chỉnh tăng giá 11 loại đá theo Bảng giá đá ngày 29/9/2026, áp dụng từ ngày 01/10/2026, mức tăng từ 1.188 đồng/tấn đến 1.297 đồng/tấn (chưa bao gồm thuế VAT), tương ứng tăng từ 0,7% đến 1,3%.

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO (mỏ đá Xuân Hòa): công bố giá trở lại sau thời gian mỏ tạm dừng hoạt động, theo Văn bản số 599/CV-CTC ngày 10/11/2026, áp dụng từ ngày 09/11/2026, gồm 07 loại đá (chưa bao gồm thuế VAT): đá 1x2 giá 226.900 đồng/tấn; đá 4x6 giá 190.600 đồng/tấn; đá Dmax 25 giá 196.600 đồng/tấn; đá Dmax 37,5 giá 176.500 đồng/tấn; đá mi bụi giá 161.900 đồng/tấn; đá mi sàng giá 177.800 đồng/tấn; đá 0x4 giá 147.700 đồng/tấn (tháng 10 năm 2026 chưa có giá công bố nên không tính tỷ lệ tăng, giảm).

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai (mỏ đá Thiện Tân 5): điều chỉnh tên 04 loại đá theo Văn bản số 191/DNC-KH ngày 03/11/2026, giá bán không thay đổi, cụ thể: "Đá 1x2 L25" thành "Đá 1x2"; "Đá 1x2 QC" thành "Đá 1x2 ly tâm"; "Đá 0x4" thành "Đá Dmax 37,5"; "Đá 0x2.5" thành "Đá Dmax 25".

II. Một số nội dung cụ thể:

1. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng căn cứ các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hướng dẫn của các Sở chuyên ngành, địa điểm xây dựng công trình, địa điểm khai thác, cung cấp vật tư, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất công trình, điều kiện xây dựng, yêu cầu về thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và quy định về quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật liệu hợp lý với yêu cầu đặc thù của công trình và mặt bằng giá thị trường tại thời điểm xác định chi phí, đáp ứng mục tiêu đầu tư, chống thất thoát, lãng phí.

2. Đối với một số loại vật liệu trong từng thời điểm có biến động lớn (tăng và giảm), thay đổi liên tục trong thời gian ngắn (từng ngày): Chủ đầu tư cần chủ động cập nhật giá vật liệu phù hợp với giá thị trường theo đúng các quy định hiện hành về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, đảm bảo tiến độ thi công công trình và kịp thời phản ánh thông tin về Sở Xây dựng.

3. Đối với vật liệu phục vụ san lấp: Chủ đầu tư và tư vấn cần kiểm tra, kiểm soát kỹ chất lượng vật liệu khi sử dụng cho công trình để đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật yêu cầu trong hồ sơ thiết kế của từng công trình.

4. Sản phẩm hàng hóa, vật liệu xây dựng đưa vào sử dụng cho các công trình phải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng hàng hóa theo quy định.

5. Thông tin giá vật liệu xây dựng tại mỏ phải từ tổ chức, cá nhân khai thác, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng có giấy phép khai thác khoáng sản và giấy phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá hoặc đã có nhưng giá không phù hợp, chủ đầu tư được thuê tổ chức thẩm định giá có năng lực, kinh nghiệm để xác định giá cho dự án, công trình theo quy định của pháp luật về giá.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có biến động về giá và nguồn cung đề nghị các chủ đầu tư, đơn vị tư vấn và các tổ chức có liên quan gửi ý kiến bằng văn bản về Sở Xây dựng thành phố Đồng Nai (phòng Quản lý Hoạt động và Vật liệu xây dựng) để được xem xét, hướng dẫn thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Sở (đăng lên trang website SXD);
- Lưu: VT, QLHĐ&VLXD (nam.dt).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Đỗ Thành Phương